

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực hàng hải và đường thủy, đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 290/TTr-SXD ngày 09/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước mới ban hành, sửa đổi bổ sung, bị bãi bỏ cụ thể như sau:

1. Thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành, sửa đổi, bổ sung gồm 18 thủ tục hành chính lĩnh vực hàng hải và đường thủy, đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Xây dựng (Chi tiết, có Phụ lục I đính kèm).

3. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính nội bộ đã công bố tại Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố (Chi tiết, có phụ lục II đính kèm).

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thực hiện, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị niêm yết công khai, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định. Thực hiện rà soát, đơn giản hóa, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cập nhật, công khai nội dung thủ tục hành chính trong Điều 1 Quyết định này trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác, đúng quy định. Thời gian hoàn thành ngay sau khi nhận được quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT, PCT UBND TP H.M.Cường;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các phòng, đơn vị: TTPVHCC, XD&CT;
- Công TTĐTTP;
- Lưu: VT, N.T.An.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN
HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY	
1.	Công bố mở luồng địa phương	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2.	Công bố đóng luồng trong trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3.	Công bố đóng luồng địa phương trong trường hợp không còn nhu cầu khai thác, sử dụng	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
4.	Công bố chuyển đổi luồng chuyên dùng thành luồng địa phương, luồng địa phương thành luồng chuyên dùng	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
5.	Phê duyệt kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa	- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004; - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Căn cứ pháp lý
		đường thủy nội địa ngày 17/6/2014; - Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Đã công bố tại Quyết định số 4508/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Sửa đổi đơn vị trực tiếp thực hiện
I	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
1	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	UBND thành phố	Sở Xây dựng
II	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY		
2	Công bố danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm do UBND cấp tỉnh quản lý	UBND thành phố	Sở Xây dựng
3	Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng
4	Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
5	Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	HĐND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
6	Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	HĐND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
7	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
8	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
9	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	HĐND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Cơ quan có thẩm quyền quyết định	Sửa đổi đơn vị trực tiếp thực hiện
10	Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	HĐND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
11	Công bố danh mục luồng đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
12	Quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản
13	Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa	UBND thành phố	Sở Xây dựng, cơ quan được giao quản lý tài sản

PHẦN II NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

I. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY

1. Công bố mở luồng địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng lập hồ sơ, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng;

- Trường hợp luồng đường thủy nội địa đã có trong quy hoạch được phê duyệt chỉ cần khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu để khai thác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng tổ chức khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu. Sau khi hoàn thành khảo sát luồng, thiết lập báo hiệu, thực hiện thủ tục công bố mở luồng theo quy định tại Nghị định này.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị công bố mở luồng;

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng đưa vào sử dụng, bản vẽ hoàn công công trình luồng, hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa đối với luồng có dự án đầu tư xây dựng mới hoặc luồng được cải tạo, nâng cấp;

- Bình đồ hiện trạng luồng đề nghị công bố thể hiện địa danh, lý trình, vị trí báo hiệu, các công trình hiện có trên luồng đối với luồng không có dự án đầu tư xây dựng.

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố mở luồng địa phương.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị công bố mở r

Đơn đề nghị công bố mở luồng đường thủy nội địa theo Mẫu số 02 tại Phụ

lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Về công bố mở luồng đường thủy nội địa ... (1)

Kính gửi:(2)

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ...tháng...năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

Tên tổ chức, cá nhân:

Người đại diện theo pháp luật:

Đăng ký doanh nghiệp (hộ gia đình): số...ngày... tháng... năm... tại...

Địa chỉ: số điện thoại liên hệ:

Đề nghị ...(2).... xem xét công bố mở luồng... (1), với nội dung sau:

1. Chiều dài luồng đường thủy nội địa...km.
 2. Điểm khởi đầu, điểm kết thúc luồng (3) hoặc địa danh điểm khởi đầu, điểm kết thúc:
 3. Cấp kỹ thuật của luồng đường thủy nội địa:
 - a) Bề rộng luồng:
 - b) Chiều sâu nhỏ nhất:
 - c) Bán kính cong nhỏ nhất:
 4. Công trình hiện có trên luồng (chiều cao, chiều rộng khoang thông thuyền):

 5. Loại luồng (quốc gia, địa phương, chuyên dùng):
 6. Thời gian bắt đầu thực hiện khai thác trên luồng đường thủy nội địa:
 7. Các nội dung khác
 8. Hồ sơ gửi kèm theo gồm:
- Đề nghị(2)..... xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa đề nghị công bố.
- (2) Tên cơ quan có thẩm quyền công bố mở luồng.
- (3) Hệ tọa độ VN 2000.

2. Công bố đóng luồng trong trường hợp vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh

a) Trình tự thực hiện:

- Đối với luồng địa phương:

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị đóng luồng phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đóng luồng, thời điểm đóng luồng gửi Sở Xây dựng. Thời gian thông báo trước thời điểm yêu cầu đóng luồng ít nhất 30 ngày.

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Sở Xây dựng báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

- Đối với luồng chuyên dùng:

+ Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đề nghị đóng luồng phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, thời điểm đóng luồng gửi tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Thời gian thông báo trước thời điểm yêu cầu đóng luồng ít nhất 30 ngày;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

+ Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an yêu cầu đóng luồng.
- Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc đối với luồng địa phương, 20 ngày làm việc đối với luồng chuyên dùng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố đóng luồng.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Quyết định công bố đóng luồng.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

3. Công bố đóng luồng địa phương trong trường hợp không còn nhu cầu khai thác, sử dụng

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị đóng luồng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý;
- Sở Xây dựng tổ chức thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định đóng luồng có hiệu lực.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa;
- Phương án thu hồi báo hiệu đường thủy nội địa do cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý luồng lập.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.
- Cơ quan phối hợp: Không có.
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố đóng luồng.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị công bố đóng luồng đường thủy nội địa...
- Quyết định về việc công bố đóng luồng đường thủy nội địa.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Công bố đóng luồng đường thủy nội địa...

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố.

Căn cứ Nghị định số.../2021/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ.....;

Sở Xây dựng đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét công bố đóng luồng...(1), với nội dung sau:

1. Lý do của việc đóng luồng đường thủy nội địa:.....
2. Chiều dài luồng đường thủy nội địa:... km.....
3. Tọa độ khởi đầu; kết thúc luồng...(2)
4. Địa danh điểm khởi đầu; điểm kết thúc luồng:.....
5. Thời gian bắt đầu đóng luồng đường thủy nội địa:.....
6. Các nội dung khác:

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, công bố đóng luồng đường thủy nội địa... (1).

7. Hồ sơ gửi kèm.....

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Tên đường thủy nội địa.
- (2) Hệ tọa độ VN 2000.

4. Công bố chuyển đổi luồng chuyên dùng thành luồng địa phương, luồng địa phương thành luồng chuyên dùng

a) Trình tự thực hiện:

Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố chuyển đổi luồng.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

Văn bản đề nghị gửi kèm theo báo cáo hiện trạng luồng đề nghị chuyển đổi của Sở Xây dựng;

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố chuyển đổi luồng.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng
- Cơ quan phối hợp: Không có.
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố công bố chuyển đổi luồng chuyên dùng thành luồng địa phương, luồng địa phương thành luồng chuyên dùng.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Phù hợp với quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa được phê duyệt;
- Đáp ứng điều kiện của luồng theo quy định tại Điều 7 Nghị định này, bao gồm: Luồng địa phương là luồng thuộc phạm vi địa bàn của một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều này; Luồng chuyên dùng là luồng nổi vùng nước cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng với luồng quốc gia hoặc luồng địa phương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

5. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng tổ chức lập kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa trong kế hoạch bảo trì hằng năm, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý trong kế hoạch bảo trì hằng năm.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Tờ trình phê duyệt kế hoạch bảo trì hằng năm trong đó bao gồm kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa;
- Các tài liệu khác có liên quan.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng;
- Cơ quan phối hợp: Không có.
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt kế hoạch bảo trì trong đó bao gồm kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa;

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;
- Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC SỬA ĐỔI BỔ SUNG

I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

1. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

a) Trình tự thực hiện:

- *Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:*

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP quản lý.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ tạm giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP quản lý.

+ Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP) quản lý.

- Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Xây dựng lập hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 44/2024/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý).

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định này xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản của Sở Xây dựng về việc giao tài sản: 01 bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản về việc giao tài sản của:

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản (trong trường hợp dự kiến giao cho cơ quan quản lý đường bộ cấp huyện, cơ quan quản lý đường bộ cấp xã): 01 bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; loại/cấp/hạng; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (số lượng/chiều dài/diện tích...); nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường bộ cấp tỉnh lập: 01 bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao/điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản (nếu có)): 01 bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ở địa phương

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng, Cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ ở địa phương*

- Cơ quan phối hợp: Đơn vị quản lý đường bộ, Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng xuyên công trình đường bộ, các đơn vị có liên quan

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính Phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

II. LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY

1. Công bố danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm do UBND cấp tỉnh quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Sở Xây dựng tổ chức lập danh mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương hằng năm, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trong quý I hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch nạo vét duy tu đường thủy nội địa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục dự án cho năm tiếp theo;

- Định kỳ trước ngày 30 tháng 4 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức công bố danh mục dự án trên Trang thông tin điện tử của cơ quan. Danh mục dự án được công bố phải có những nội dung: Tên, địa điểm, phạm vi, thời gian thực hiện dự án; chuẩn tắc nạo vét; tên, địa chỉ liên hệ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnnet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

+ Tờ trình phê duyệt mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương của Sở Giao thông vận tải;

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong quý I hằng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt mục dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm đối với kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước đường thủy nội địa địa phương;

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện:

- Sự cần thiết đầu tư;

- Không trùng lặp với dự án nạo vét đã được quyết định chủ trương đầu tư

hoặc quyết định phê duyệt dự án hoặc dự án bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa sử dụng vốn ngân sách nhà nước hằng năm đã được phê duyệt kế hoạch bảo trì;

- Có lợi thế so với các hình thức đầu tư khác.

l) Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa

- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

2. Giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Sở Xây dựng chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện rà soát, thống kê toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đang quản lý hoặc tạm quản lý (bao gồm cả trường hợp tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư do nhà đầu tư chuyển giao cho Nhà nước theo quy định mà không phải thực hiện thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản); trên cơ sở đó, thực hiện phân loại như sau:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã có văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 12/2025/NĐ-CP quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 12/2025/NĐ-CP quản lý nhưng chưa có văn bản giao tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa tạm giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 12/2025/NĐ-CP quản lý.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đã giao hoặc tạm giao cho đối tượng khác (không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 12/2025/NĐ-CP) quản lý.

- Căn cứ kết quả rà soát, thống kê, phân loại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 12/2025/NĐ-CP cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý) chủ trì, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định 12/2025/NĐ-CP) cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định 12/2025/NĐ-CP, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định 12/2025/NĐ-CP, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 6 Nghị định 7 Nghị định 12/2025/NĐ-CP xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa đối với trường hợp thuộc thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản Hpnet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản của cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh về việc đề nghị giao tài sản: bản chính.

- Biên bản họp liên ngành hoặc ý kiến bằng văn bản của: Cơ quan, tổ chức,

đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Giao thông vận tải (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản về việc giao tài sản: bản chính.

- Danh mục tài sản đề nghị giao (tên tài sản; địa chỉ; năm đưa vào sử dụng; thông số cơ bản (khối lượng, chiều dài,...); diện tích; nguyên giá, giá trị còn lại (nếu có); tình trạng sử dụng của tài sản) do cơ quan quản lý đường thủy nội địa ở trung ương, cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh lập: bản chính.

- Hồ sơ pháp lý về tài sản (Quyết định giao, điều chuyển tài sản, Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản hoặc các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh quyền quản lý, sử dụng, tạm quản lý tài sản - nếu có): bản sao.

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan quản lý đường thủy nội địa cấp tỉnh;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý hoặc tạm quản lý tài sản và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó; cơ quan, đơn vị có liên quan của Bộ Xây dựng (đối với tài sản thuộc trung ương quản lý), cơ quan, đơn vị có liên quan của địa phương (đối với tài sản thuộc địa phương quản lý); cơ quan dự kiến được giao quản lý tài sản về việc giao tài sản

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

3. Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án khai thác tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Đề án khai thác tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chưa phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản cấp tỉnh về việc đề nghị phê duyệt Đề án: bản chính;
- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa do cơ quan quản lý tài sản lập theo Mẫu số 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;
- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản chính;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan (nếu có): bản sao;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- + Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được giao quản lý tài sản
- + Cơ quan phối hợp: Cơ quan liên quan (nếu có);
- + Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về Phê duyệt Đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề án khai thác tài sản

k) Yêu cầu, điều kiện:

Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trực tiếp tổ chức khai thác tài sản trong các trường hợp sau:

- Tài sản có liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia;
- Áp dụng phương thức trực tiếp khai thác hiệu quả hơn phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này, bao gồm: Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa; Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- Không có tổ chức đăng ký thực hiện phương thức quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

4. Phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản quy định tại gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ, gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Bộ Xây dựng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;
- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản báo cáo của cơ quan được giao quản lý tài sản về việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;
- Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 100 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Cơ quan được giao quản lý tài sản
- Cơ quan phối hợp: Không có
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

5. Phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Xây dựng, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có văn bản kèm theo bản sao hồ sơ quy định tại khoản 5 Điều này gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan về Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung: Tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; sự cần thiết, phù hợp của Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan; sự phù hợp về cơ sở và phương pháp xác định giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; các nội dung trong Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án;
- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của cơ quan được giao quản lý tài sản về việc tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện Đề án Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét phê duyệt theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp Đề án chuyển nhượng quyền khai thác tài sản chưa phù hợp;
- + Căn cứ Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này và ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: 01 bản chính;
- Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số

07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 100 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về phê duyệt Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
**CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
QUẢN LÝ TÀI SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-ĐA

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

Khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
Phương thức khai thác:.....¹

I. CƠ SỞ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;
- Các văn bản khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

2. Cơ sở thực tiễn

- 2.1. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan được giao quản lý tài sản
- 2.3. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan được giao quản lý tài sản trong 3 năm gần nhất và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.1. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:

- a) Tổng quan tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa
- b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

1.2. Thực trạng khai thác tài sản: Mô tả thực trạng việc khai thác tài sản và nguồn thu từ việc khai thác tài sản theo từng phương thức: Trực tiếp tổ chức khai thác, cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và hình thức khai thác khác (nếu có).

2. Đề xuất phương án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa²

2.1. Phương án khai thác tài sản:

a) Danh mục tài sản đề nghị khai thác: Tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; tình trạng tài sản; phương thức khai thác (trực tiếp tổ chức khai thác/cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác); thời hạn khai thác tài sản;

b) Sự cần thiết, sự phù hợp của Đề án với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa và pháp luật có liên quan.

2.2. Đánh giá sơ bộ hiệu quả của phương án khai thác:

a) Dự kiến kết quả khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa: nguồn thu, chi phí có liên quan đến việc khai thác tài sản (trong đó làm rõ căn cứ và phương pháp xác định nguồn thu, chi phí; căn cứ và phương pháp xác định giá cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản trong trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

b) Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước;

c) Dự kiến số tiền được ưu tiên bố trí vốn từ số tiền đã nộp ngân sách nhà nước (từ khai thác tài sản) trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

¹ Mỗi Đề án được lập cho một phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa quy định tại Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

² Nội dung đề xuất cho phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa nêu tại điểm nêu trên.

6. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này. Hồ sơ đề nghị gồm:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định thu hồi tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Văn bản của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thu hồi tài sản: bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc thu hồi tài sản: bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 01B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan có liên quan (nếu có)

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

k) Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;

- Tài sản được giao không đúng đối tượng, sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;

- + Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;

- Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hải Phòng, ngày tháng năm***BIÊN BẢN****Rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa**

Căn cứ Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định sốngày...tháng...năm... của về việc.....;¹

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được thực hiện như sau:

I. Thành phần:**1. Đại diện bên giao:**

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

2. Đại diện bên nhận:

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

3. Đại diện cơ quan chứng kiến (nếu có):

Ông (Bà):Chức vụ:

Ông (Bà):Chức vụ:

II. Nội dung:**1. Bảng phân loại tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa:**

[illegible]

2. Các hồ sơ liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản bàn giao, tiếp nhận:

.....

3. Trách nhiệm của các bên giao nhận:

a) Trách nhiệm của Bên giao:

b) Trách nhiệm của Bên nhận:

4. Ý kiến của các bên tham gia bàn giao, tiếp nhận:

.....

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CHỨNG KIẾN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

¹ Ghi rõ số, ngày tháng, trích yếu Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc giao tài sản/thu hồi tài sản/điều chuyển tài sản/sử dụng tài sản để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư).

² Số lượng/khối lượng tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.

³ Diện tích đất kê khai tại cột số 6 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

⁴ Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

⁵ Nguyên giá tại cột số 8 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

⁶ Giá trị còn lại tại cột số 9 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ

⁷ Tình trạng tài sản ở cột số 10 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được.

7. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Khi có tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cần điều chuyển, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp; gửi lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chuyển tài sản hoặc có văn bản hỏi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, doanh nghiệp: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển (trong đó nêu rõ mục đích sử dụng hiện tại và mục đích sử dụng dự kiến sau khi điều chuyển trong trường hợp điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản chính;

- Hồ sơ liên quan đến chuyển đổi công năng sử dụng tài sản (trong trường hợp việc điều chuyển gắn với việc chuyển đổi công năng sử dụng tài sản): 01 bản sao;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

c) Thời hạn giải quyết: 30 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*, Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: *Sở Xây dựng*; Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển

k) Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được điều chuyển trong các trường hợp sau:

- Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý, phân loại tài sản;
- Tài sản được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

[illegible]

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m ²)		Giá trị		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
...												
II	Tuyến đường thủy nội địa B											

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.

- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

8. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý gửi Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;
- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị thanh lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan quản lý tài sản về việc đề nghị thanh lý tài sản: bản chính;
- Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đề nghị thanh lý tài sản trong trường hợp việc thanh lý tài sản do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định: bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị thanh lý (trong đó nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 30 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng, Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng; Cơ quan được giao quản lý tài sản
- + Cơ quan phối hợp: Không có
- + Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Danh mục tài sản đề nghị thanh lý

k) Yêu cầu, điều kiện:

Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa được thanh lý trong các

trường hợp sau:

- Tài sản bị hư hỏng không thể sử dụng hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;
- Phá dỡ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa không sử dụng được theo công năng của tài sản;
- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

l) Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

[illegible]

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m ²)		Giá trị		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
... II	Tuyến đường thủy nội địa B											

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ
TÀI SẢN**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

9. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

a) Trình tự thực hiện:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại; báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Văn bản đề nghị xử lý tài sản của cơ quan được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại tài sản theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản sao.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d Thời hạn giải quyết: 30 ngày

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng*, Cơ quan được giao quản lý tài sản

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: *Sở Xây dựng*; Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan phối hợp: Không có

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại

k) Yêu cầu, điều kiện: Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

l) Căn cứ pháp lý của của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TÊN CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày tháng năm

BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Hình thức xử lý: Thanh lý/Điều chuyển/...

[illegible]

STT	Tên tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Ký hiệu tài sản	Đơn vị tính	Số lượng/ Khối lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m ²)		Giá trị		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Đất	Sàn sử dụng	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
II	Tuyến đường thủy nội địa B											

XÁC NHẬN ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng/khối lượng kê khai tại cột số 4 đối với tài sản là luồng đường thủy nội địa ghi theo chiều dài tuyến luồng.
- Diện tích đất kê khai tại cột số 7 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

- Nguyên giá, giá trị còn lại kê khai tại cột số 9, cột số 10 xác định theo quy định tại Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.
- Tình trạng tài sản tại cột số 11 ghi: Đang sử dụng, hỏng không sử dụng được

10. Công bố danh mục luồng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

Sở Xây dựng lập danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố. Danh mục luồng sau khi được công bố gửi Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam để tổng hợp, theo dõi;

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ

Tờ trình của Sở Xây dựng kèm theo danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương;

* **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: *Sở Xây dựng;*
- Cơ quan phối hợp: Không có
- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục luồng địa phương, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;
- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;
- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
- *Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

11. Quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- *Sở Xây dựng cấp nhật, bổ sung, tổng hợp trình Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định cấp và điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương đảm bảo phù hợp với thực tế;*

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cấp và điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

Tờ trình quyết định cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương;

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: *Sở Xây dựng.*

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: *Sở Xây dựng*; Cơ quan được giao quản lý tài sản

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về cấp, điều chỉnh cấp kỹ thuật đường thủy nội địa địa phương;

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

+ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 46/2016/TT-BGTVT ngày 29/12/2016 của Bộ GTVT Quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa.

- *Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.*

12. Quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa

a) Trình tự thực hiện:

- Định kỳ 05 năm một lần, vào Quý III của năm cuối trong kỳ hoặc căn cứ vào nhu cầu thực tế, Sở Xây dựng cập nhật, bổ sung, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố danh mục tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương cho kỳ tiếp theo.

- Sau khi nhận được Tờ trình của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc Trực tuyến qua Hệ thống Quản lý văn bản HpNet. (theo hướng dẫn tại Điều 6, 7, 8 và 9 Thông tư số 36/2021/TT BGTVT ngày 22/12/2021)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ**

- Tờ trình đề nghị công bố danh mục khảo sát luồng đường thủy nội địa; -
Danh mục khảo sát luồng đường thủy nội địa, gồm: tên luồng (đoạn luồng),
tỷ lệ bình đồ, tần suất khảo sát;

- Bảng đánh giá, chấm điểm xác định tần suất khảo sát theo quy định tại khoản 3 Điều 6, Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021;

- Các nội dung khác liên quan (nếu có).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Xây dựng.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng;

- Cơ quan phối hợp: Không có

- Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND thành phố về tần suất khảo sát định kỳ luồng đường thủy nội địa địa phương;

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15/6/2004;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa;

- Thông tư số 36/2021/TT-BGTVT ngày 22/12/2021 của Bộ GTVT Quy định về khảo sát luồng phục vụ quản lý.

- Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 20/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quyết định hợp nhất một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Phụ lục II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY	
1	Quyết định danh mục tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa phục vụ mục đích công cộng	Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa
2	Bán tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa	Nghị định số 12/2025/NĐ-CP ngày 20/01/2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa